

54/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN CÁC TỈNH: KHÁNH HOÀ, BÌNH THUẬN, BÀ RỊA – VŨNG TÀU, TIỀN GIANG, TRÀ VINH, SÓC TRĂNG, CÀ MAU, KIÊN GIANG – TUYẾN VẬN TẢI VEN BIỂN – Hành lang tuyến vận tải ven biển
Nguồn: Bộ giao thông vận tải, quyết định số 3365/QĐ-BGTVT & 3733/QĐ-BGTVT

Hải đồ ảnh hưởng – VN4DM001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(1) 12°31'20.00"N	109°26'22.97"E
		(2) 12°35'01.87"N	109°27'13.00"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(1) - (2) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4VT001 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(3) 11°14'40.00" N	108°52'06.99" E
		(4) 11°17'07.59" N	108°55'34.00" E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(3 - (4) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4PT001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(5) 10°52'42.00"N	108°06'47.44"E
		(6) 10°54'00.00"N	108°07'35.97"E
		10°54'00.00"N	108°10'48.00"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(5) - (6) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4TV001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(7) 10°13'40.00"N	106°58'07.76"E
		(8) 10°17'12.77"N	107°06'12.00"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(7) - (8) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4ST001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(9) 10°10'51.00"N	106°56'38.31"E
		(10) 10°13'30.00"N	106°57'45.00"E
		10°13'54.17"N	106°58'40.00"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(9) - (10) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4QCB01 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(11) 9°27'55.00"N	106°37'52.47"E
		(12) 9°29'32.79"N	106°38'59.97"E
Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	9°27'56.29"N	106°30'59.97"E
		9°33'10.00"N	106°34'38.19"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(11) - (12) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4HG001 (Phiên bản 3, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(13) 9°25'26.00" N	106°28'19.21" E
		(14) 9°26'30.00" N	106°30'00.00" E
		9°29'22.28" N	106°32'00.00" E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(13) - (14) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4TĐ001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(15) 9°18'05.17" N	106°16'45.00" E
		(16) 9°22'30.00" N	106°23'42.05" E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(15) - (16) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4NC001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(17) 8°39'37.00" N	105°15'21.64" E
		(18) 8°44'50.00" N	105°19'06.43" E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(17) - (18) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4HT001 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(19) 10°21'13.48" N	104°24'43.00" E
		(20) 10°22'00.00" N	104°26'17.97" E
		10°18'12.00" N	104°29'23.97" E
		10°16'30.00" N	104°29'23.97" E
Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:		(19) - (20) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN3KH001 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(21) 12°21'57.18"N	109°24'14.97"E
		(22) 12°50'42.00"N	109°30'44.97"E
		12°53'44.09"N	109°28'20.41"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(21) - (22) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(23) 10°09'18.00"N	106°55'59.18"E
		(24) 10°13'30.00"N	106°57'44.97"E
		10°18'13.74"N	107°08'27.93"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(23) - (24) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN3ĐA001 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(25) 9°21'26.20"N	106°31'23.25"E
		(26) 9°23'45.00"N	106°34'59.97"E
		9°28'56.56"N	106°38'34.97"E
Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	9°21'26.24"N	106°22'01.21"E
		9°26'30.00"N	106°29'59.97"E
		9°38'46.00"N	106°38'32.08"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(25) - (26) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4BĐ001 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(27) 8°39'27.00"N	105°15'14.39"E
		(28) 8°47'34.05"N	105°21'03.97"E
	Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven biển, dọc theo:	(27) - (28) như trên	

Hải đồ ảnh hưởng – VN4BT001 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 21 tháng 04 năm 2022)

Chèn	Hành lang tuyến vận tải ven biển, nét đứt, nổi:	(29) 10°07'45.00"N	104°29'23.98"E
		(30) 10°16'28.00"N	104°29'23.98"E

Chú giải, hành lang tuyến vận tải ven
biển, dọc theo:

(29) - (30) như trên

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

54/2022 – VIETNAM – KHANH HOA, BINH THUAN, BA RIA – VUNG TAU, TIEN GIANG, TRA VINH, SOC TRANG, CA MAU, KIEN GIANG SEA PORT WATERS – VIET NAM COASTAL ROUTE – Coastal route

Source: Ministry of transport, Decision No.3365/QĐ-BGTVT & No.3733/QĐ-BGTVT

Chart affected – VN4DM001 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(1) 12°31'20.00"N	109°26'22.97"E
		(2) 12°35'01.87"N	109°27'13.00"E
	legend, hành lang tuyến vận tải ven biển, along:	(1) - (2) above	

Chart affected – VN4VT001 (Edition No. 1, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(3) 11°14'40.00" N	108°52'06.99" E
		(4) 11°17'07.59" N	108°55'34.00" E
	legend, hành lang tuyến vận tải ven biển, along:	(3) - (4) above	

Chart affected – VN4PT001 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(5) 10°52'42.00"N	108°06'47.44"E
		(6) 10°54'00.00"N	108°07'35.97"E
		10°54'00.00"N	108°10'48.00"E
	legend, hành lang tuyến vận tải ven biển, along:	(5) - (6) above	

Chart affected – VN4TV001 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(7) 10°13'40.00"N	106°58'07.76"E
		(8) 10°17'12.77"N	107°06'12.00"E
	legend, hành lang tuyến vận tải ven biển, along:	(7) - (8) above	

Chart affected – VN4ST001 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(9) 10°10'51.00"N	106°56'38.31"E
--------	--------------------------------------	-------------------	----------------

(10) 10°13'30.00"N	106°57'45.00"E
10°13'54.17"N	106°58'40.00"E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(9) - (10) above

Chart affected – VN4QCB01 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(11) 9°27'55.00"N	106°37'52.47"E
		(12) 9°29'32.79"N	106°38'59.97"E

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	9°27'56.29"N	106°30'59.97"E
		9°33'10.00"N	106°34'38.19"E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(11) - (12) above

Chart affected – VN4HG001 (Edition No. 3, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(13) 9°25'26.00" N	106°28'19.21" E
		(14) 9°26'30.00" N	106°30'00.00" E
		9°29'22.28" N	106°32'00.00" E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(13) - (14) above

Chart affected – VN4TĐ001 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(15) 9°18'05.17" N	106°16'45.00" E
		(16) 9°22'30.00" N	106°23'42.05" E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(15) - (16) above

Chart affected – VN4NC001 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(17) 8°39'37.00" N	105°15'21.64" E
		(18) 8°44'50.00" N	105°19'06.43" E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(17) - (18) above

Chart affected – VN4HT001 (Edition No. 1, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(19) 10°21'13.48" N	104°24'43.00" E
		(20) 10°22'00.00" N	104°26'17.97" E
		10°18'12.00" N	104°29'23.97" E

10°16'30.00" N 104°29'23.97" E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(19) - (20) above

Chart affected – VN3KH001 (Edition No. 1, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(21)	12°21'57.18"N	109°24'14.97"E
		(22)	12°50'42.00"N	109°30'44.97"E
			12°53'44.09"N	109°28'20.41"E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(21) - (22) above

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(23)	10°09'18.00"N	106°55'59.18"E
		(24)	10°13'30.00"N	106°57'44.97"E
			10°18'13.74"N	107°08'27.93"E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(23) - (24) above

Chart affected – VN3ĐA001 (Edition No. 1, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(25)	9°21'26.20"N	106°31'23.25"E
		(26)	9°23'45.00"N	106°34'59.97"E
			9°28'56.56"N	106°38'34.97"E
Insert	Coastal route, pecked line, joining:		9°21'26.24"N	106°22'01.21"E
			9°26'30.00"N	106°29'59.97"E
			9°38'46.00"N	106°38'32.08"E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(25) - (26) above

Chart affected – VN4BD001 (Edition No. 1, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(27)	8°39'27.00"N	105°15'14.39"E
		(28)	8°47'34.05"N	105°21'03.97"E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(27) - (28) above

Chart affected – VN4BT001 (Edition No. 1, updated on April 21st, 2022)

Insert	Coastal route, pecked line, joining:	(29) 10°07'45.00"N	104°29'23.98"E
		(30) 10°16'28.00"N	104°29'23.98"E

legend, hành lang tuyến vận tải ven
biển, along:

(29) - (30) above

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
